TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2019
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 224/2019/HNST ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 21 thang 6 năm 2019 ngày giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà An Thị TT, sinh năm 1985; Thường trú: số … đường M, phường T, thành phố V, tỉnh B. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1987; Thường trú: số … đường M, phường T, thành phố V, tỉnh B. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2019, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà An Thị TT trình bày:

Bà và Nguyễn Hữu P tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố Vũng Tàu ngày 30/8/2007. Sau khi kết hôn, bà và ông P cùng chung sống tại nhà bố mẹ ruột của bà. Hai người chung sống hạnh phúc trong thời gian dài, khoảng 2 năm nay phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không phụ giúp bà về kinh tế, không có trách nhiệm đối với vợ con, bà khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông P không thay đổi mà bỏ đi khỏi nhà từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Thời gian đầu ông P còn đôi lần đến thăm con, khoảng 1 năm gần đây ông P không thăm con cũng không còn liên lạc gì đối với bà. Hiện tại, bà đã hết tình nghĩa vợ chồng với ông P nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Nguyễn An Khánh N sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Quang H sinh ngày 28/6/2013. Bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ nhỏ tới nay nên bà yêu cầu tiếp tục được quyền trực tiếp nuôi con.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông P cấp dưỡng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/2 con/1 tháng. Trong quá trình tố tụng bà TT không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà TT giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P và yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà TT và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân trong thời gian dài, bà TT có yêu cầu ly hôn, ông P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa làm việc thể hiện việc ông P không tha thiết hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà TT;

Về con chung: Yêu cầu của bà TT về việc nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án "Tranh chấp hôn nhân gia đình" đối các đương sự đang cư trú tại Tp.Vũng Tàu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Về sự vắng của đương sự: Ông Nguyễn Hữu P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà An Thị TT và ông Nguyễn Hữu P chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, ông P không có mặt thể hiện nguyện vọng về việc muốn hòa giải đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà TT xác định đã hết tình nghĩa vợ chồng đối với ông P, hai người không thể cùng quay về chung sống.

Theo kết quả xác minh tại địa phương, bà TT và ông P lục đục, đã ly thân một thời gian dài.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Thực tế bà TT và ông P ly thân trong thời gian dài, không còn liên lạc, không có sự quan tâm, chăm sóc, san sẻ đối với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác

định hôn nhân của bà TT và ông P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, yêu cầu ly hôn của bà TT với ông P là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: bà TT yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Nguyễn An Khánh N, sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 28/6/2013. Theo phần trình bày của bà TT cũng như theo kết quả xác minh tại địa phương, bà TT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con từ nhỏ tới nay. ông P không thể hiện về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, yêu cầu của bà TT về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong Đơn khởi kiện bà TT yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/1 tháng/2 con. Tại phiên tòa, bà TT xác định hàng tháng bố ruột của ông P vẫn hỗ trợ cho bà 3.000.000đ để bà nuôi con, hơn nữa ông P không có nghề nghiệp ổn định, khó có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3].Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà An Thị TT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 227; Điều 228, Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà An Thị TT:

[1.1]. Về hôn nhân: Bà An Thị TT ly hôn ông Nguyễn Hữu P.

[1.2].Về con chung: bà TT được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung của bà TT và ông P là Nguyễn An Khánh N sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Quang H sinh ngày 28/6/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

ông P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[1.3].Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2]. Về án phí: Bà An Thị TT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí số 0010403 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu. bà TT đã nộp đủ án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[4].Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- UBND phường 11, Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm